

Số: 26/2022/QĐST-HNGĐ

Trà Cú, ngày 16 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 02 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị H, sinh năm 1994. Địa chỉ: ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

- Bị đơn: Anh Trần D, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị H và anh Trần D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Cao Thị H và anh Trần D thống nhất thuận tình ly hôn;
- Về con chung: Có 01 người con chung tên Trần C, sinh ngày 04/11/2013, chị H và anh D thỏa thuận thống nhất là anh D đồng ý giao con cho chị H được nuôi dưỡng (cũng là phù hợp theo nguyện vọng của cháu C được sống chung với chị H), anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (bằng chữ: Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định có hiệu lực đến khi con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh, chị thống nhất không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị H và anh D mỗi người phải chịu 75.000 (*Bằng chữ: Bảy mươi lăm ngàn đồng*) tiền án phí nhưng chị H và anh D là người dân tộc khmer sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn (có đơn xin miễn án phí) nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: 150.000 đồng, anh D phải chịu nhưng anh D là người dân tộc khmer sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trà Cú;
- UBND xã K, huyện Trà Cú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Hoàng Phúc